TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 89/2018/DS-PT
Ngày: 16/11/2018
V/v " Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà; Ông; **Nguyễn Trọng Sơn.**

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phấn và ông Hoàng Ngọc Anh

- Thư ký phiên toà: Bà; Đặng Thị Bích Hà. Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ **An:** Bà; Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018. Tại: Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2018/TLPT - DS ngày 20/9/2017, về việc tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại .

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DSST, ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2018/QĐPT-DS ngày 05/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS (tên gọi cũ là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và điện năng BS).

Địa chỉ: Thôn 16, xã QV, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đậu Đức B; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Hợp tác xã.

Trú tại: Thôn 20, xã QV, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Ông B có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

- Bà Đậu Thị G. Sinh năm 1950.
- Anh Đặng Ngọc T. Sinh năm 1984.
- Chị Đặng Thị H. Sinh năm 1973.
- Chị Đặng Thị Q. Sinh năm 1975.

- Chị Đặng Thị Tr. Sinh năm 1977.

- Chị Đặng Thị M. Sinh năm 1980.

- Chị Đặng Thị Hi. Sinh năm 1983.

- Chị Đặng Thị L. Sinh năm 1989.

- Anh Đặng Ngọc T A. Sinh năm 1991.

Đều trú tại: Thôn 15, xã QV, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

(Các bị đơn là người thừa kế hàng thứ nhất của ông Đặng Ngọc T U, sinh năm 1948, mất ngày 06/02/2013).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đậu Thị G, chị Đặng Thị H, chị Đặng Thị Q, chị Đặng Thị Tr, chị Đặng Thị M, chị Đặng Thị Hi, chị Đặng Thị L, anh Đặng Ngọc T A: Anh Đặng Ngọc T. Sinh năm 1984.

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Khối 5, phường NH, Thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. (Địa chỉ cũ: Thôn 15, xã QV, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An).

Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Ông Lê Trung H - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Thành Vinh. Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Phòng 206 – Tầng 2, tòa nhà ĐN, số 78 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Luật sư H vắng mặt tại phiên tòa

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hồ Sỹ S. Sinh năm 1976

Trú tại: Thôn 15, xã QV, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Anh Sắc vắng mặt tại phiên tòa.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông Lê Khắc L. Sinh năm 1960. Có mặt

Trú tại: Thôn 13, xã QV, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

4.2. Anh Hồ Sỹ Đ. Sinh năm 1976. Có mặt

Trú tại: Thôn 13, xã QV, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

4.3. Ông Hồ Dũng Tr. Sinh năm 1967. Có mặt

Trú tại: Thôn 20, xã QV, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

4.4. Uỷ ban nhân dân xã QV, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn B; chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An và các tài liệu có tại hồ sơ cũng như lời trình bày của các bên đương sự, thì vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là ông Đậu Đức B trình bày: Ông Đặng Ngọc T U làm thủ kho kiêm thủ quỹ Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS xã QV (sau đây viết tắt là HTX) từ năm 1990. Đầu tháng 01/2013 ông đi bệnh viện Hà Nội khám và điều trị bệnh hiểm nghèo nhưng không báo cho Ban quản trị HTX biết, khi ở bệnh viện về Ban quản trị đến nhà thăm hỏi và đề nghị ông T U phối hợp làm số liệu bàn giao kho, quỹ. Ngày 05/02/2013 tại nhà ông T U, do ông T U chưa khỏe nên ông giao cho anh Đặng Ngọc T (con trai trưởng) phối hợp với HTX tính toán số liệu. Sau khi đối chiếu thống nhất, ông T U giao anh T ký giấy tờ chốt số liệu công nợ. Sáng ngày 06/02/2013 ông T U mất. Ngày 20/02/2013 HTX mời đại diện gia đình ông T U đến làm việc thì gia đình cử anh T, bà Đặng Thị H đến. Các bên tính toán sổ sách thống nhất số liệu, ký bàn giao, anh T ký văn bản hứa sáng hôm sau sẽ trả 60 triệu đồng để giảm bớt tiền lãi và khất trả nợ sau. Qua số liệu thì ông T U còn giữ gồm: Tiền: 100.574.000đồng (gồm các loại: Nợ tiền tạm ứng làm đường điện 6.000.000đồng; tiền bán lân NPK 8.10.3 vụ Đông 2009 là 20.100.000 đồng; tiền nợ vay chưa trả 35.000.000 đồng; tiền bán lân năm 2010 là 18.000 đồng; tiền bán lân sản xuất vụ 5/2012 là 4.060.000 đồng; tiền bán giống vụ 5/2012 là 12.614.000 đồng; tiền bán giống vụ 5/2013 là 22.782.000 đồng); Nợ tiền bán vật tư lân 111.848.000 đồng; Nợ quỹ tiền mặt: 78.370.945 đồng. Tổng cộng ông T U còn chiếm giữ chưa nộp cho HTX là: 290.792.945 đồng được phản ảnh trên các chứng từ, sổ sách của HTX.

Quá trình giải quyết, HTX BS có văn bản đề nghị UBND xã QV thanh tra kho, quỹ tài chính của HTX. Ngày 27/6/2016 UBND xã QV có Thông báo kết luận số 51/TB-UBND về kết quả thanh, kiểm tra tài chính - kho, quỹ HTX BS từ năm 2009 đến năm 2013 và kết luận: *"Tổng nợ lũy kế của ông Đặng Ngọc T U từ năm 2009 đến ngày 28/02/2013 được phản ánh qua số liệu chứng từ là: 290.792.945 đồng"*. Sau khi chốt số liệu năm 2013, HTX có thu của bà M A tự đến nộp tiền do mua phân NPK tại kho ông T U bán là: 4.864.000 đồng (số phiếu thu 228 ngày 03/12/2014) và HTX cấn trừ số thóc ông T U gửi ở HTX được quy thành tiền là 15.410.986 đồng (quyết định số 01/QĐ-HTX ngày 01/01/2014). Vì vậy, HTX đã tự tính giảm trừ cho ông T U: 20.274.854 đồng nên khi khởi kiện chỉ yêu cầu trả số tiền còn chưa nộp là 270.949.971 đồng. Quá trình giải quyết phía bị đơn không đồng ý tính trừ ra 20.274.854 đồng vì cho rằng không biết số tiền thực tế là bao nhiêu. Do đó nguyên đơn có thay đổi yêu cầu không tính trừ số tiền trên cho ông T U và khởi kiện yêu cầu người thừa kế của ông Đặng Ngọc T U phải trả cho HTX số tiền ông T U còn chiếm giữ (từ năm 2009 đến ngày 28/02/2013) là: 290.792.945 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu trả tiền lãi suất để giảm bớt khó khăn cho bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, anh Đặng Ngọc T trình bày: Ông Đặng Ngọc T U lấy bà Đậu Thị G sinh được 08 người con gồm: Đặng Thị H, Đặng Thị Q, Đặng Thị Tr, Đặng Thị M, Đặng Thị Hi, Đặng Thị L, Đặng Ngọc T, Đặng Ngọc T A. Ông Tuất mất ngày 06/02/2013 không để lại di chúc. Tài sản chung của ông T U và bà G có nhà ở, đất đai hiện tại bà G đang quản lý sử dụng tại thôn 15, xã QV, huyện Quỳnh Lưu, gia đình chưa phân chia di sản thừa kế của ông T U. Ông T U làm quản lý kho quỹ của HTX như thế nào thì anh không biết cụ thể, gia đình không lưu giữ sổ sách tài liệu gì về các khoản thu chi của HTX. Việc kiểm tra, đối soát, xác định số liệu tại văn bản lập ngày 05/02/2013 và việc ký biên bản làm việc tại HTX ngày 20/02/2013 do lúc đó gia đình đang bận lo mai táng cho bố nên khi HTX lập số liệu thì anh (T) thay mặt gia đình ký vào biên bản. HTX có đưa một tập tài liệu để đối soát còn thực tế như thế nào thì anh không biết được.Trước đây anh có ký chấp nhận các số liệu nợ nhưng nay không chấp nhận vì không biết được số liệu thực như thế nào.Việc UBND xã QV thành lập đoàn kiểm tra tài chính, kho, quỹ của HTX anh đã nhận được thông báo kết luận. Nay HTX khởi kiện đòi những người thừa kế của ông T U phải trả nợ thay số tiền: 290.792.945 đồng thì bị đơn không đồng ý.

Tại Công văn số 48/BC-UBND ngày 07/6/2018 của UBND xã QV, huyện Quỳnh Lưu và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện UBND xã QV có ý kiến: Sau khi nhận được tờ trình của HTX BS, UBND xã QV đã tổ chức làm việc với bà Đậu Thị G và các con của ông Đặng Ngọc T U nhưng gia đình không phối hợp thực hiện. Quá trình làm việc UBND xã đã thành lập đoàn thanh tra xác định rõ số nợ của ông T U đối với HTX BS là: 290.792.945 đồng. Quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa án buộc bà Đậu Thị G và 08 người con của ông T U phải trả tiền trên cho HTX BS.

Kết quả thẩm định, định giá tài sản của cấp sơ thẩm cho thấy tài sản chung của ông T U và bà G gồm: Quyền sử dụng đất ở thửa số 248 tờ bản đồ 124 -70 (bản đồ địa chính) tại xóm 15, xã QV, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An với diện tích 200m^2 trị giá: 60.000.000đồng; đất trồng cây hàng năm thửa số 248, tờ bản đồ 124-70 (bản đồ địa chính) có diện tích thực tế là 1.992m^2 trị giá: 298.800.000đồng; đất nông nghiệp: 1.438m^2 trị giá: 71.900.000đồng; 01 ngôi nhà gỗ 4 gian không có vì trị giá: 130.000.000đồng; 01 nhà dưới trị giá: 20.000.000đồng; 01 nhà vê ba gian lợp ngói trị giá: 30.000.000đồng; công trình phụ trịu giá: 10.000.000đồng; tường bao và cổng trị giá: 20.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là: **640.700.000** đồng.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DSST, ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 255, 637, 298, 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 3 và Điều 61 Luật Hợp tác xã; các Điều 227,228,147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Buộc bà Đậu Thị G và 08 người con (chị H, chị Q, chị Tr, chị M, chị Hi, chị L, anh T, anh T A) là người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Đặng Ngọc T U phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS xã QV số tiền: 290.792.945 đồng (Hai trăm chín mươi triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi lăm nghìn).

Về án phí: Bà Đậu Thị G là người cao tuổi nên được miễn nộp phần của bà; 08 người con (chị H, chị Q, chị Tr, chị M, chị Hi, chị L, anh T, anh T A) mỗi người phải nộp 1.615.000 (một triệu sáu trăm mười lăm nghìn) đồng; Hoàn trả lại cho HTX dịch vụ nông nghiệp BS xã QV số tiền: 8.349.000 đồng (Tám triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0007835 ngày 15/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự; tuyên chịu lãi luất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; tuyên việc thi hành bản án Luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/7/2018 ông Đặng Ngọc T, là người đại của bị đơn kháng cáo không chấp nhận bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018 ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 27/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, đã có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1481/KNPT-DS, kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DSST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, với nội dung:

Cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không phù hợp quy định của pháp luật tại khoản 1, 2 Điều 637 Bộ luật dân sự, đó là:

Các tài sản chung của ông Tuất và bà Giá là: 640.700.000 đồng, ông T U chết không để lại di chúc, di sản chưa chia đang do bà G quản lý sử dụng, tuy nhiên cấp sơ thẩm không làm rõ trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có thỏa thuận với nhau về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông T U để lại hay không, mà quyết định buộc bà G và 08 người con phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông T U chết để lại, phải trả cho HTX BS, số tiền: 290.792.945 đồng, là chưa đầy đủ, không phù hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 637 Bộ luật dân sự.

Sau khi chốt số liệu năm 2013, HTX BS có thu của bà M tiền mua phân NPK tại kho của T U bán là: 4.864.000 đồng, số tiền này HTX BS đã thu và phát sinh trong thời gian ông T U đang làm kho quỹ, nhưng bản án sơ thẩm không khấu trừ, mà nhận định do bị đơn không đồng ý cấn trừ nên số tiền này không giải quyết, mà được tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, là giải quyết không triệt để, buộc bị đơn phải trả số tiền không đúng thực tế.

Trong thời gian ông Đặng Ngọc T U đi chưa bệnh và điều trị ở Hà Nội, thì việc bán hàng do ông T u, con gái ông T u là chị Đặng Thị H và anh Hồ Sỹ S là con rể quản lý kho và bán lẻ phân bón cho một số người dân, song cấp sơ thẩm không yêu cầu các bên cung cấp tài liệu, chứng cứ để xác định chị Đặng Thị H có được HTX BS cho phép hoặc ủy quyền quản lý kho quỹ không, để làm rõ trách nhiệm đối với số tiền hàng mà chị H bán trong thời gian ông T u đi khám bệnh; Cấp sơ thẩm không đưa anh Hồ Sỹ S vào tham gia tố tụng để làm rõ ông T u có ủy quyền cho anh S bán hàng hay không, anh S có tham gia vào việc bán hàng tại kho hay không, từ thời gian nào, số tiền bán bao nhiêu, ai là người quản lý.

Quyết định của bản án không cụ thể:

Bản án sơ thẩm tuyên bà Đậu Thị G và 08 người con (chị H, chị Tr, chị M, chị H, chị L, anh T và anh T A là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Đặng Ngọc T U, phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Hợp tác xã dịnh vụ nông nghiệp BS, xã QV, số tiền: 290.792.945 đồng, nhưng không chia kỷ phần đối với từng người, là gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Đề nghị cấp phúc thẩm xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm theo hướng như đã phân tích ở trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự đều thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục kháng cáo: Người đại diện của nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tạm ứng án phúc thẩm, nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là đúng pháp luật. Đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Đặng Ngọc T xin hoãn phiên tòa với lý do đề nghị Tòa án cho đơn vị kiểm toán tham gia kiểm toán Hợp tác xã BS là không có căn cứ để chấp nhận.

- Viện kiểm sát tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung kháng nghị tại quyết định kháng nghị số 1481/KNPT-DS ngày 27/7/2018. Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo đại diện hợp pháp của bị đơn.

Đề nghị sửa một phần của bản án sơ thẩm, đó là trong số tiền 290.792.945 đồng này có số tiền 4.864.000 đồng do bà Mạo đến nộp cho HTX BS và số Thóc ông Đặng Ngọc T U gửi tại HTX BS được quy thành tiền là 15.410.986 đồng, cho nên cần khấu trừ số tiền này; trong số tiền còn lại có số tiền 2.779.000 đồng do ông Đ và ông L trả cho anh T sau khi chốt số liệu, cho nên số tiền này cần buộc anh T phải có trách nhiệm trả.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Đặng Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, song anh Đặng Ngọc T cơ đơn xin hoãn phiên tòa với lý do đề nghị Tòa án cho đơn vị kiểm toán tham gia kiểm toán HTX BS là không căn cứ để chấp nhận; Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hồ Sỹ S, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ song vẫn vắng mặt; các đương sự có mặt đề nghị Tòa án xét xử bình thường. Xét thấy việc vắng mặt của anh Đặng Ngọc T, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn và anh Hồ Sỹ S không ảnh hưởng đến kết quả xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản trả nợ do người chết để lại. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS xã QV là tổ chức kinh tế tập thể có đầy đủ tư cách pháp nhân, nên có tư cách dân sự độc lập trước pháp luật. Ông Đặng Ngọc T U làm thủ kho kiêm thủ quỹ HTX BS khi không làm nữa phải bàn giao đầy đủ kho, quỹ, nợ vay cho HTX BS mới đúng trách nhiệm, nhưng vì mắc bệnh hiểm nghèo ông mất vào ngày 06/02/2013 khi chưa kịp bàn giao, trả nợ. Theo quy định của pháp luật ngày ông Đặng Ngọc T U mất là thời điểm mở thừa kế, phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thừa kế. Ngày 01/4/2015 nguyên đơn khởi kiện vụ án là trong thời hiệu theo quy định tại điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Đặng Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu có tại hồ sơ thì ông Tuất được giao nhiệm vụ làm thủ kho kiêm thủ quỹ của HTX BS. Trước và sau khi ông mất, HTX

BS cùng đại diện gia đình của ông Tuất (do anh Tuấn, chị Huệ làm đại diện) đã kiểm tra, đối soát thống nhất số liệu và ký biên bản xác nhận số liệu nợ trong các ngày 05 và 20/02/2013 nhưng sau đó phía gia đình ông Tuất không thực hiện cam kết trả nợ. Nguyên đơn đã trực tiếp làm việc và phối hợp với UBND xã QV, huyện Quỳnh Lưu để giải quyết đòi trả tiền nhưng không có kết quả, vì gia đình ông Tuất thiếu sự hợp tác. Để khách quan về số liệu nợ, HTX BS có văn bản đề nghị UBND xã QV thanh tra tài chính, kho, quỹ liên quan đến hoạt động của ông Tuất và HTX BS. Căn cứ vào các tài liệu liên quan đến việc kiểm tra, đối soát xác định số liệu lập ngày 05/02/2013; biên bản làm việc xác minh số liệu tiền mặt, tiền vay, tiền bán vật tư, hàng tồn kho lập ngày 20/02/2013 giữa đại diện HTX BS và anh Đặng Ngọc T (đại diện người thừa kế) ký chấp nhận các số liệu ông T U còn nợ tiền của HTX BS và xin khất nợ trả dần, cũng như Thông báo kết luận số 51/TB-UBND ngày 27/6/2016 của UBND xã QV, huyện Quỳnh Lưu về kết quả thanh, kiểm tra tài chính, kho, quỹ HTX dịch vụ nông nghiệp BS từ năm 2009 đến năm 2013 cho thấy " *Tổng nợ lũy kế của ông Đặng Ngọc T U từ năm 2009 đến ngày 28/02/2013 được phản ánh qua số liệu chứng từ là: 290.792.945 đồng".* Kết luận trên của UBND xã QV được ban hành sau khi thanh tra kiểm tra các chứng từ và sổ sách về hoạt động tài chính, kho, quỹ của HTX nên có đủ cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 61 Luật Hợp tác xã. Như vậy có cơ sở để kết luận ông Đặng Ngọc T U trước khi mất còn nợ của HTX BS, xã QV với tổng số tiền: 290.792.945 đồng.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Đặng Ngọc T, không đưa ra được chứng cứ, chứng minh phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, tại phiên tòa phúc thẩm lại vắng mặt, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 6 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Cho nên việc kháng cáo không chấp nhận toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

Cấp sơ thẩm buộc bà Đậu Thị G và 08 người con của ông Đặng Ngọc T U và bà Đậu Thị G, phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông T U chết để lại là đúng quy định của Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà Đậu Thị G và các con của bà G và ông T U đã ủy quyền cho anh Đặng Ngọc T tham gia tố tụng, cho nên việc các bị đơn có thỏa thuận với nhau về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông T U chết để lại hay không là quyền của các bị đơn, cho nên tuyên buộc như vậy là phù hợp với Điều 637 Bộ luật dân sự. Trong đơn kháng cáo và trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh Đặng Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không có thỏa thuận khác.

Bản án sơ thẩm không khấu trừ số tiền: 4.864.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm sáu tư ngàn đồng) mà HTX BS đã thu của bà M tự đến nộp (số phiếu thu 228, ngày 03/12/2014) tiền mua phân NPK tại kho của ông T U bán, là giải quyết không triệt để vụ án và ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Cho nên cấp phúc thẩm cần sửa bản án, khấu trừ số tiền này cho bị đơn.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm đã làm rõ sau khi chốt số liệu năm 2013 HTX BS đang giữ số Thóc ông T U gửi ở HTX BS được quy thành tiền là: 15.410.986 đồng. Tuy bị đơn không có yêu cầu, song xét thấy cần gải quyết triệt để vụ án và không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền này cũng như số tiền của bà M tự đến nộp, cho nên cấp phúc thẩm cần khấu trừ số tiền này cho bị đơn.

Việc cấp sơ thẩm không đưa anh Hồ Sỹ S vào tham gia tố tụng là thiếu sót, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong các vụ án khác.

Khi quyết định buộc bà G và các con của bà G và ông T U có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông T U chết để lại với số tiền: 290.792.945 đồng, mà không chia kỷ phần cụ thể cho từng người là gây khó khăn cho công tác thi hành án. Cho nên cấp phúc cần sửa bản án sơ thẩm chia kỷ phần cụ thể cho từng người.

Tại phiên tòa phúc thẩm cũng đã làm rõ, sau khi chốt số liệu nợ giữa HTX BS với gia đình ông Đặng Ngọc T U, ông Hồ Sỹ Đ đã đến trả tiền nợ ngày 20/02/2013 cho anh Đặng Ngọc T số tiền 847.000 đồng; ông Lê Khắc L đến trả nợ ngày 20/02/2013 cho anh Đặng Ngọc T số tiền 1.932.000 đồng. Cho nên cần buộc anh T hoàn trả số tiền này cộng với kỷ phần anh phải trả trong tổng số nợ của ông T U đối với HTX BS.

[5] Về án phí:

Đối với yêu cầu của bị đơn được chấp nhận một phần, cho nên anh Đặng Ngọc T, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đôi với án phí dân sự sơ thẩm, cần sửa án phí sơ thẩm cho tương ứng với kỷ phần của từng người phải chịu.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 5, 14 Điều 26; Điều 147 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 255; 298; 305 và Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 3 và Điều 61 Luật Hợp tác xã. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh Đặng Ngọc T.

2. Sửa bản án sơ thẩm: Buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Đặng Ngọc T U là bà Đậu Thị G, anh Đặng Ngọc T, chị Đặng THị H, chị Đặng Thị Q, chị Đặng THị Tr, chị Đặng Thị M, chị Đặng Thị Hi, chị Đặng Thị L, anh Đặng Ngọc T a, có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ của ông Đặng Ngọc T U trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS xã QV, huyện Quỳnh Lưu số tiền: **270.517.959 đồng**

Cụ thể như sau:

- Bà Đậu Thị G có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS, số tiền: 29.748.773 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn tám ngàn, bảy trăm bảy ba đồng).

- Chị Đặng THị H, có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS, số tiền: 29.748.773 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn tám ngàn, bảy trăm bảy ba đồng).

- Chị Đặng Thị Q, có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS, số tiền: 29.748.773 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn tám ngàn, bảy trăm bảy ba đồng).

- Chị Đặng THị Tr, có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS, số tiền: 29.748.773 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn tám ngàn, bảy trăm bảy ba đồng).

- Chị Đặng Thị M, có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS, số tiền: 29.748.773 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn tám ngàn, bảy trăm bảy ba đồng).

- Chị Đặng Thị Hi, có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS, số tiền: 29.748.773 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn tám ngàn, bảy trăm bảy ba đồng).

- Chị Đặng Thị L, có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS, số tiền: 29.748.773 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn tám ngàn, bảy trăm bảy ba đồng).

- Anh Đặng Ngọc T A, có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS, số tiền: 29.748.773 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn tám ngàn, bảy trăm bảy ba đồng).

- Anh Đặng Ngọc T, có trách nhiệm trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp BS, số tiền: 32.527.773 đồng (Ba mươi hai triệu, năm trăm hai bảy ngàn, bảy trăm ba bảy đồng).

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn phần án phí dân sự cho bà Đậu Thị G.

- Buộc chị Đặng THị H, chị Đặng Thị Q, chị Đặng THị Tr, chị Đặng Thị M, chị Đặng Thị Hi, chị Đặng Thị L, anh Đặng Ngọc T A, mỗi người phải chịu: 1.487.000 đồng (Một triệu, bốn trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Anh Đặng Ngọc T, phải chịu: 1.626.000 đồng (Một triệu, sáu trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

3.2. Về án phí phúc thẩm:

Anh Đặng Ngọc T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Anh Đặng Ngọc T được trừ đi: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh đã nộp theo biên lai số 0001746 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :
- VKSND tỉnh Nghệ An
- TAND, VKS huyện Quỳnh Lưu
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu
- Các đương sự
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn